TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2022/QĐST-DS	*Tp. Trà Vinh, ngày 17 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý T. K, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số 39, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Lý Thanh K: Luật sư Nguyễn Văn N – Văn Phòng luật sư Nguyễn Văn N, thuộc đoàn Luật sư tỉnh T.

- Bị đơn:

1/ Bà Lý T. T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

2/ Ông Thạch L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Diệp Thị T, sinh năm 1951.

2/ Chị Lý Khánh T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh T.

3/ Ông Trương Văn T, sinh năm 1961.

4/ Ông Trương Thanh P, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

5/ Bà Thạch Thị N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

2. **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*** Về quyền sử dụng đất:**

- Bà Lý T. K tự nguyện giao cho bà Lý T. T phần diện tích đất diện tích 138,3m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 499, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T, theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 1643/CNTPTV ngày 02/12/2021 thuộc phần đất tranh chấp 1, có kích thước và tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 1861 có kích thước 27,30m

+ Hướng Tây giáp phần tranh chấp 2 thuộc thửa 499 có kích thước 28,73m.

+ Hướng Nam giáp thửa 498 có kích thước 5m

+ Hướng Bắc giáp vĩa hè đường G có kích thước 5m.

- Bà Lý T. T cùng các con Thạch Thanh L, Thạch Thị N có nghĩa vụ giao trả cho bà Lý T. K phần diện tích đất còn lại là 583,9m^2 (phần tranh chấp 2 và tranh chấp 3 theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số 1643/CNTPTV ngày 02/12/2021), loại đất ở đô thị và cây lâu năm, thuộc thửa đất số 499, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

*** Về tài sản trên đất:**

- Bà Lý T. T cùng các con Thạch Thanh L, Thạch Thị N có nghĩa vụ di dời nhà tiền chế ký hiệu (2), chòi sữa xe ký hiệu (1) và giao trả các tài sản trên đất gồm có các căn nhà nhà ký hiệu (3), (4), (5), (6), hàng rào ký hiệu (7), (8), sân láng xi măng ký hiệu (9) theo sơ đồ hiện trạng tài sản trên đất tranh chấp kèm theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 27/10/2021.

- Bà Lý T. K tự nguyện giao cho bà Lý T. T 01 cái tủ thờ hiện đang thờ cha mẹ quá cố là cụ Lý K và cụ Trương Thị N.

* Bà Lý T. K và bà Lý T. T, ông Thạch Thanh L, bà Thạch Thị N cam kết thực hiện thỏa thuận trên, từ đây về sau không còn bất kỳ tranh chấp gì về các tài sản này.

*** Về chi phí tố tụng:** Bà Lý T. K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 6.720.000 đồng (bao gồm tiền thẩm định định giá 2.700.000 đồng và cung cấp thông tin 4.020.000 đồng). Do bà Lý T. K đã nộp tạm ứng 20.000.000 đồng nên bà Lý T. K được nhận lại số tiền còn dư là 13.280.000 đồng.

*** Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm khi hòa giải thành là 26.153.220 đồng. Bà Lý T. K và bà Lý T. T mỗi bên phải chịu 50% án phí.

Do bà Lý T. K là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên bà Lý T. K được miễn nộp số tiền án phí 13.076.610 đồng.

Bà Lý T. T phải nộp số tiền án phí 13.076.610 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TTV;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Giáp Trà Giang